Ủy ban Nhân dân tỉnh
Tỉnh Quảng Trị
22/02/2022 16:06:50

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG TRỊ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 30 /KH-UBND | *Quảng Trị, ngày 22 tháng 02 năm 2022* |

# KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định chính cách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026. Để phát triển "Cà phê đặc sản" Quảng Trị phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu "Cà phê đặc sản" ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và nội địa đồng thời nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê chè Khe Sanh trên thị trường thế giới, góp phần phát triển bền vững ngành cà phê của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

## I. Đối tượng và phạm vi áp dụng

### 1. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết sản xuất gắn với thu mua, chế biến, tiêu thụ cà phê với các Hợp tác xã/Tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ gia đình, cá nhân trồng cà phê đặc sản trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- Hợp tác xã/Tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã có hợp đồng, liên kết sản xuất gắn với thu mua, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản với doanh nghiệp hoặc nông dân trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ cà phê đặc sản với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

### 2. Phạm vi

- Áp dụng đối với diện tích cà phê đặc sản trên địa bàn xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa theo quyết định 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 và các vùng sản xuất khác trên địa bàn huyện Hướng Hóa đảm bảo tiêu chí, điều kiện, được các cơ quan chức năng công nhận vùng sản xuất cà phê đặc sản.

- Thời gian triển khai: Bắt đầu từ năm 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

## II. Mục tiêu, tiêu chí vùng sản xuất cà phê đặc sản

### 1. Mục tiêu phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh

a) Mục tiêu chung: Phát triển "Cà phê đặc sản" trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu "Cà phê đặc sản"

ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và nội địa nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê chè Khe sanh trên thị trường trong nước và thế giới, góp phần phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025:

+ Phát triển cà phê chè đặc sản tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, với tổng diện tích ổn định khoảng 60 ha, sản lượng dự kiến 20 tấn cà phê nhân;

+ Ban hành quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh;

+ Xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản Quảng Trị;

+ Có 20 ha cà phê đặc sản được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, thương hiệu cà phê đặc sản Quảng Trị.

+ Tiếp tục ổn đinh 60 ha cà phê đặc sản đã có tại xã Hướng Phùng; mở rộng thêm 50 ha cà phê đặc sản trên địa bàn xã Hướng Phùng, Hướng Tân, Tân Hợp và các xã khác đáp ứng tiêu chí, điều kiện. Sản lượng dự kiến 50 tấn cà phê nhân.

+ Duy trì ổn định 20 ha diện tích cà phê được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ và tiếp tục nhân rộng đạt 50 ha cà phê đạt tiêu chuẩn hữu cơ, trong đó có ít nhất 30 ha chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế.

**2. Tiêu chí vùng sản xuất cà phê đặc sản**

a) Tiêu chí bắt buộc

- Vùng sản xuất cà phê đặc sản phải được cơ quan chức năng khảo sát, xác định, phê duyệt bằng văn bản.

- Diện tích sản xuất phải liền vùng, tập trung với quy mô tối thiểu 0,5 ha đối với cá nhân, hộ gia đình và 01 ha đối với tổ chức.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam đã được cơ quan chức năng ban hành (giống chất lượng cao, quy trình canh tác…).

b) Tiêu chí khuyến khích

- Có kết cấu cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, điện, hệ thống tưới, tiêu chủ động và những công trình khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung;

- Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; áp dụng công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, sinh thái…) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất;

- Khuyến khích các trang trại, hộ sản xuất hình thành Hợp tác xã/Tổ hợp tác nhằm liên kết với doanh nghiệp trong thu mua nguyên liệu đầu vào, trao đổi kỹ thuật sản xuất, tiếp cận/chuyển giao khoa học công nghệ và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cà phê đặc sản. Mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát vùng trồng cà phê đặc sản dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu cà phê đặc sản phục vụ thị trường trong nước và thế giới.

## III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Giải pháp tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chủ trương định hướng, chính sách phát triển cà phê đặc sản. Nâng cao nhận thức của nhân dân về hiệu quả của sản xuất cà phê đặc sản.

- Tập huấn nâng cao nâng lực cho người dân, Hợp tác xã/Tổ hợp tác, Doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất cà phê đặc sản trong các khâu trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sâu, pha chế; Đào tạo đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong chế biến, pha chế và thử nếm đánh giá sản phẩm; Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ về chọn tạo giống, xây dựng quy trình thâm canh, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê.

### 2. Giải pháp về quy hoạch lựa chọn vùng phù hợp

Tập trung khảo sát đánh giá, rà soát thực trạng vùng cà phê đang có trên địa bàn xã Hướng Phùng và các xã lân cận đáp ứng điều kiện sản xuất cà phê đặc sản để quy hoạch vùng trồng cà phê đặc sản trên địa bàn huyện Hướng Hóa, từ đó có giải pháp phù hợp trong việc tái canh, phục hồi, cải tạo hoặc trồng mới.

Khuyến khích tích tụ đất đai để tạo các vùng trồng cà phê đặc sản tập trung có quy mô lớn theo các phương thức góp đất, thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận và tự nguyện giữa người có đất với người có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật.

### 3. Giải pháp về tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm

- Khuyến khích các trang trại, hộ sản xuất hình thành Hợp tác xã/Tổ hợp tác nhằm liên kết với doanh nghiệp trong thu mua nguyên liệu đầu vào, trao đổi kỹ thuật sản xuất, tiếp cận/chuyển giao khoa học công nghệ và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cà phê đặc sản.

- Mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát vùng trồng cà phê đặc sản dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh gắn kết 4 nhà: Nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nước trong nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản.

### 4. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, cải tạo đất để gìn giữ và duy trì tính chất lý hóa của đất; kiểm soát điều kiện đất đai, nguồn nước và các yếu tố khác để bảo vệ vùng trồng cà phê đặc sản.

- Ứng dụng quy trình sản xuất thâm canh, thu hái, sơ chế, bảo quản, đảm bảo chất lượng cà phê đặc sản Việt Nam.

- Đẩy mạnh cơ khí hoá, tự động hoá trong chế biến; chế biến sâu sản phẩm.

- Tăng cường liên kết hợp tác với các đơn vị nghiên cứu trong nước và các tổ chức Quốc tế về chọn tạo giống, chuyển giao khoa học công nghệ về trồng, phòng

trừ sâu bệnh, công nghệ tưới nước tiết kiệm, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, xúc tiến thương mại ngành hàng cà phê đặc sản;

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (phân bón hữu cơ, sinh học, chế phẩm vi sinh,…) vào sản xuất nhằm tạo nền tảng cho nền sản xuất cà phê sạch, hữu cơ.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát chất lượng cà phê trên địa bàn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến cà phê không đảm bảo an toàn thực phẩm.

**6. Giải pháp xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường**

- Đẩy mạnh việc cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản cho các tác nhân trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản. Tăng cường kết nối giữa người sản xuất và những nhà rang xay, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu cà phê đặc sản phục vụ thị trường trong nước và thế giới. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản thông qua chương trình xúc tiến thương mại.

- Tổ chức các cuộc hội thảo về cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh cho người tiêu dùng nhằm kích cầu tiêu dùng, quảng bá sản phẩm để phát triển và khai thác triệt để thị trường tiêu thụ cà phê đặc sản nội địa. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến cà phê đặc sản trên địa bàn tham gia các cuộc thi cà phê đặc sản với quy mô toàn quốc nhằm tiếp cận và quảng bá cà phê đặc sản Quảng Trị.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản Quảng Trị, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu thụ sản phẩm, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kiểm nghiệm, công bố chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ… nhằm xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản.

**7. Giải pháp về đầu tư**

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư hình thành các vùng trồng, xây dựng cơ sở chế biến sâu sản phẩm cà phê đặc sản. Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối cà phê đặc sản.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm vùng trồng cà phê đặc sản và cơ sở chế biến cà phê đặc sản đạt chuẩn nhằm xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản Quảng Trị.

- Khuyến khích các hình thức liên kết đầu tư giữa doanh nghiệp với nông dân, trong đó doanh nghiệp hỗ trợ vốn, khoa học kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm và người dân tổ chức sản xuất, cung cấp sản phẩm cho doanh nghiệp tiêu thụ.

- Hỗ trợ đầu tư thiết bị, công nghệ chế biến cà phê đặc sản cho các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực Hiệp hội Cà phê Khe Sanh tỉnh Quảng Trị để làm đầu mối tổ chức liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê đặc sản, bảo vệ

quyền lợi cho các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân tham gia phát triển cà phê đặc sản.

**8. Giải pháp chính sách**

8.1. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách Trung ương đã ban hành: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015, số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 29/6/2020 của Quốc hội khóa 14 về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 15/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa 15 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 25/2021/QH15 ngày 04/8/2021 của Quốc hội khóa 15 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

8.2. Chính sách đặc thù của địa phương:

8.2.1. Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân sản xuất, thu hái, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản

- Nội dung và định mức hỗ trợ: Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân sản xuất, thu hái, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản. Hỗ trợ 100% chi phí, định mức hỗ trợ 06 triệu đồng/lớp, mỗi năm tập huấn 05 lớp.

*(Kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi sự nghiệp hàng năm)*

- Điều kiện hỗ trợ: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất tham gia trồng, sơ chế, chế biến, bảo quản cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh.

8.2.2. Hỗ trợ phát triển cây cà phê theo hướng cà phê đặc sản, hữu cơ kết hợp trồng xen cây ăn quả:

- Nội dung, định mức hỗ trợ: Áp dụng theo Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026;

- Quy mô hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ không quá 15 ha.

8.2.3. Hỗ trợ chứng nhận sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn hữu cơ:

- Nội dung và định mức hỗ trợ: Áp dụng theo Khoản 1, Điều 5, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026;

- Quy mô hỗ trợ: Mỗi năm hỗ trợ tối đa 05 dự án, mỗi dự án tối thiểu 02 ha.

8.2.4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

- Hỗ trợ tổ chức, tham gia các sự kiện, hội thi, hội chợ, triển lãm, phiên chợ, đoàn giao thương, hội nghị kết nối cung cầu quảng bá, kết nối tiêu thụ cà phê đặc sản trong tỉnh, trong nước và ngoài nước: Áp dụng theo Điểm a, Khoản 5, Điều 5, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 01 sự kiện.

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản cà phê đặc tham gia các hội thi nông sản đặc sản được tổ chức trên phạm vi toàn quốc: Áp dụng theo Điểm b, Khoản 5, Điều 5, Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 01 đơn vị tham gia.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm cà phê đặc sản kết nối vào các chuỗi cung ứng (hỗ trợ tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu hàng hóa; thiết kế nhận diện thương hiệu; xây dựng đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm; In ấn bao bì, nhãn mác, tạo hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng và áp dụng hệ thống ISO cho lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm): Áp dụng theo Điểm c, Khoản 5, Điều 5, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng.

8.2.6. Chính sách tín dụng:

Áp dụng theo Khoản 6, Điều 5, Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

## IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ thực hiện kế hoạch giai đoạn 2022-2025: **3.880** triệu đồng.

Trong đó:

Nguồn ngân sách tỉnh: 3.040 triệu đồng;

Nguồn ngân sách huyện: 360 triệu đồng;

Nguồn từ Doanh nghiệp và Nông dân: 480 triệu đồng.

(Dự toán chi tiết tại Phụ lục 1,2)

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Là cơ quan thường trực, đầu mối triển khai thực hiện Kế hoạch, phối hợp với UBND huyện Hướng Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện để UBND tỉnh biết, chỉ đạo.

- Phối hợp với Cục Trồng trọt, Viện KHKT nông lâm nghiệp Tây Nguyên xây dựng Quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản phù hợp; khảo nghiệm, tuyển chọn và quản lý nguồn giống cà phê đảm bảo chất lượng đưa vào sản xuất; tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp tài liệu cho nông dân, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện đảm bảo đúng mục tiêu, yêu cầu, tiến độ đề ra; tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cà phê đặc sản; giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của sản phẩm cà phê đặc sản.

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp để hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn.

**2. Sở Công Thương:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, tìm đầu ra cho sản phẩm cà phê đặc sản; Hỗ trợ quảng bá sản phẩm; Khuyến khích, hỗ trợ phát triển chế biến sâu gắn với thị trường tiêu thụ ổn định.

- Tăng cường công tác tập huấn, hỗ trợ để nâng cao năng lực cho các Doanh nghiệp trong việc vận hành, xây dựng thương hiệu, củng cố sự tin cậy đối với khách hàng, quảng bá giới thiệu hình ảnh, sản phẩm cà phê đặc sản Quảng Trị đến với các tỉnh trong nước và nước ngoài.

- Tích cực kêu gọi, xúc tiến, thu hút đầu tư các nhà máy chế biến các sản phẩm cà phê đặc sản, cà phê bột, cà phê hòa tan vào địa bàn tỉnh; Ưu tiên hỗ trợ các Đề án ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, xúc tiến thương mại cho Tổ nhóm nông dân, các doanh nghiệp trồng và chế biến cà phê đặc sản trên địa bàn.

**3. Sở Tài chính:**

Căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Trị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợpvới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc trách nhiệm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách để thực hiện kê hoạch; hướng dẫn thanh, quyêt toán kinh phí hỗ trợ.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực để phát triển vùng nguyên liệu, các sản phẩm từ cà phê đặc sản.

- Tích cực vận động thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký đầu tư phát triển cà phê đặc sản, chế biến, bảo quản các sản phẩm cà phê đặc sản tại địa phương.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:** Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm cà phê Khe Sanh. Xây dựng, quản lý và phát triển Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê đặc sản vùng Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu và đăng ký Chỉ dẫn địa lý ra nước ngoài.

**6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh**: Hỗ trợ nâng cao năng lực cho Hội cà phê Khe Sanh để nâng cao hoạt động liên kết, bảo vệ quyền lợi các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng cà phê đặc sản Quảng Trị; Tổ chức tốt mối liên kết giữa 4 nhà, Trong đó, Nhà nước, doanh nghiệp phải tích cực vào cuộc, gắn kết với nhà khoa học, nông dân từ khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

**7. Các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể có liên quan:** Tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch.

**8. UBND huyện Hướng Hóa:**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị, tổ chức liên quan chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch phát triển cà phê đặc sản. Đồng thời, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí của địa phương để thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác quản lý thị trường tại các Doanh nghiệp, cơ sở thu mua cà phê trên địa bàn, xử lý nghiêm tình trạng tranh mua, tranh bán, nhất là thu mua cà phê không đảm bảo chất lượng, thu mua ép giá; nâng giá cạnh tranh không lành mạnh theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trên địa bàn tiến hành tập huấn quy trình sản xuất cà phê đặc sản và xây dựng mô hình hướng dẫn để nâng cao năng lực cho nông dân sản xuất cà phê trên địa bàn.

**9. Các đối tượng tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản:**

- Hộ nông dân: Thực hiện chặt chẽ quy trình canh tác, thu hái, sơ chế, bảo quản cà phê đặc sản được cấp có thẩm quyền ban hành, chuyển giao.

- Cơ sở chế biến: Thực hiện sơ chế, chế biến theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giữ đúng được hương vị, chất lượng sản phẩm cà phê đặc sản.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê: Phối hợp với các cơ quan quản lý xúc tiến thương mại, quảng bá phát triển thị trường cà phê đặc sản đến người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đồng thời, cung cấp cho người sản xuất cà phê những thông tin, yêu cầu của thị trường cà phê đặc sản để phát triển bền vững hơn.

- Hội cà phê Khe Sanh: Vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp thành viên hiệp hội liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản./.

***Nơi nhận:***
- Bộ NN&PTNT;
- CT, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện Hướng Hóa;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT Phc.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Sỹ Đồng**

**Phụ lục1:**

**Khái toán kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2022-2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| STT | Hạng mục hỗ trợ | Đơn vị tính | Số lượng (tính trong 01 năm) | Định mức hỗ trợ | Nguồn hỗ trợ giai đoạn 2022-2026 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) |
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | |
| | **TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | **3.880** | **3.040** | **360** | **480** |
| 1 | Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao tiến bộ KHCN trong sản xuất cà phê đặc sản | Lớp | 5 | 6 Triệu đồng/lớp | 120 | 120 | - | - |
| 2 | Hỗ trợ phát triển cà phê theo hướng cà phê đặc sàn, hữu cơ kết hợp trồng xen cây ăn quả | Ha | 15 | 420 triệu đồng/năm | 1.680 | 840 | 360 | 480 |
| 3 | Hỗ trợ chứng nhận sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn hữu cơ. | Dự án | 5 | 20 triệu đồng/dự án | 400 | 400 | | |
| 4 | Hỗ trợ xúc tiến thương mại | | | | 1.680 | 1.680 | 0 | |
| *4.1* | *Hỗ trợ tổ chức, tham gia các sự kiện, hội thi, hội chợ, triển lãm, phiên chợ, đoàn giao thương, hội nghị kết nối cung cầu quảng bá, kết nối tiêu thụ cà phê đặc sản trong tỉnh, trong nước và ngoài nước* | *Sự kiện* | *1* | *200 Triệu/sự kiện* | *800* | *800* | - | - |
| *4.2* | *Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản cà phê đặc tham gia các hội thi nông sản đặc sản được tổ chức trên phạm vi toàn quốc* | *Đơn vị* | *1* | *20 triệu đồng/đơn vị* | *80* | *80* | | |
| *4.3* | *Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm cà phê đặc sản kết nối vào các chuỗi cung ứng* | *Đơn vị* | *1* | *200 triệu đồng/năm* | *800* | *800* | - | - |

# Phụ lục 02:
# KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUA CÁC NĂM

*(Kèm theo Kế hoạch số 30 /KH-UBND ngày 22/ tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Hạng mục hỗ trợ | Đơn vị tính | Số lượng (tính trong 01 năm) | Định mức hỗ trợ | Kinh phí thực hiện qua các năm | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Năm 2022 | | | | Năm 2023 | | | | Năm 2024 | | | | Năm 2025 | | | |
| | | | | | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) |
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | |
| | **TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ** | | | | **970** | **760** | **90** | **120** | **970** | **760** | **90** | **120** | **970** | **760** | **90** | **120** | **970** | **760** | **90** | **120** |
| 1 | Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao tiến bộ KHCN trong sản xuất cà phê đặc sản | Lớp | 5 | 6 Triệu đồng/lớp | 30 | 30 | | | 30 | 30 | | | 30 | 30 | | | 30 | 30 | | |
| 2 | Hỗ trợ phát triển cà phê theo hướng cà phê đặc sản, hữu cơ kết hợp trồng xen cây ăn quả | Ha | 15 | 420 triệu đồng/năm | 420 | 210 | 90 | 120 | 420 | 210 | 90 | 120 | 420 | 210 | 90 | 120 | 420 | 210 | 90 | 120 |
| 3 | Hỗ trợ chứng nhận sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn hữu cơ. | Dự án | 5 | 20 triệu đồng/dự án | 100 | 100 | | | 100 | 100 | | | 100 | 100 | | | 100 | 100 | | |

| STT | Hạng mục hỗ trợ | Đơn vị tính | Số lượng (tính trong 01 năm) | Định mức hỗ trợ | Kinh phí thực hiện qua các năm | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Năm 2022 | | | | Năm 2023 | | | | Năm 2024 | | | | Năm 2025 | | | |
| | | | | | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) |
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | |
| 4 | Hỗ trợ xúc tiến thương mại | | | | 420 | 420 | 0 | 0 | 420 | 420 | 0 | 0 | 420 | 420 | 0 | 0 | 420 | 420 | 0 | 0 |
| *4.1* | *Hỗ trợ tổ chức, tham gia các sự kiện, hội thi, hội chợ, triển lãm, phiên chợ, đoàn giao thương, hội nghị kết nối cung cầu quảng bá, kết nối tiêu thụ cà phê đặc sản trong tỉnh, trong nước và ngoài nước* | *Sự kiện* | *1* | *200 Triệu/sự kiện* | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | |
| *4.2* | *Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản cà phê đặc tham gia các hội thi* | *Đơn vị* | *1* | *20 triệu đồng/đơn vị* | *20* | *20* | | | *20* | *20* | | | *20* | *20* | | | *20* | *20* | | |

| STT | Hạng mục hỗ trợ | Đơn vị tính | Số lượng (tính trong 01 năm) | Định mức hỗ trợ | Kinh phí thực hiện qua các năm | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Năm 2022 | | | | Năm 2023 | | | | Năm 2024 | | | | Năm 2025 | | | |
| | | | | | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) | Tổng | NSNN | | Đối ứng (DN, tổ chức, cá nhân) |
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | |
| | *nông sản đặc sản được tổ chức trên phạm vi toàn quốc* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *4.3* | *Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm cà phê đặc sản kết nối vào các chuỗi cung ứng* | *Đơn vị* | *1* | *200 triệu đồng/năm* | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | | *200* | *200* | | |